| TOÀ ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thanh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang
2. Bà Đoàn Thị Duyên

***Thư ký phiên toà***: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2016/QĐST-HPT ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993,

Địa chỉ: thôn C, xã B, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D**,** sinh năm 1990, vắng mặt

Địa chỉ: thôn C, xã B, tỉnh Hưng Yên

Chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*: Chị T và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện

K, tỉnh Thái Bình vào ngày 21 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn C xã H tỉnh Hưng Yên được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, chị T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 20/8/2011, Nguyễn Văn P sinh ngày 02/6/2014 và Nguyễn Thị Mỹ D1 sinh ngày 25/01/2019. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Nếu không được nuôi cả 03 con chung thì chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị Mỹ D1, anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc Đ. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, không vay nợ chung.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống cũng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng vẫn cố gắng để hòa hợp. Thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi nhau và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không liên lạc với nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T. Vợ chồng anh chị có 03 con chung như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 03 con. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã B thể hiện: Chị T và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H nay là xã B tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh D có chơi bời cờ bạc, vợ chồng xô xát, chính quyền có đến hòa giải. Hiện tại vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 03 con chung nhưchij T và anh D trình bày. Hiện tại anh D đi lái tàu đường sông đi Hải Phòng tỉnh thoảng vẫn về nhà, thu nhập từ 30 đến 40 triệu đồng/tháng, chị T đi làm tự do ở tỉnh ngoài, thu nhập bao nhiêu địa phương không nắm được. Tài sản chung vợ chồng đại phương không nắm được, vợ chồng không vay nợ các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã cơ bản tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 20/8/2011, Nguyễn Văn P sinh ngày 02/6/2014 và Nguyễn Thị Mỹ D1 sinh ngày 25/01/2019. Ly hôn giao cả 02 con chung Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị Mỹ D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Quốc Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt nhưng từ chối làm việc và bỏ về. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H  nay là xã B tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh D không đồng ý nhưng trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì anh D đồng ý ly hôn. Tòa án đã mở phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, Như vậy chị T kiên quyết ly hôn, anh D muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị Mỹ D1. Ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

dưỡng cả 03 con chung còn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu P và cháu D1, anh D nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Đ. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T khi anh chị ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T: giao cháu Nguyễn Văn P và cháu Nguyễn Thị Mỹ D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Quốc Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con chung. Chị T, anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 20/8/2011, Nguyễn Văn P sinh ngày 02/6/2014 và Nguyễn Thị Mỹ D1 sinh ngày 25/01/2019. Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Mỹ D1 và giao cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc Đ. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung. Chị T, anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004251 ngày 24/12/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên sang thi hành án phí.

5.*Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 6 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Định (ĐKKH ngày 21/01/2011 tại UBND xã Hồng Tiến,; Giấy CNKH số 13, quyển số 01/2011);
Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Xuân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lê Thị Thanh X**